

GIỐNG CÀ CHUA MV1

NGUYỄN HỒNG MINH, KIỀU THỊ THU

Việc đưa ra các giống cà chua có chất lượng tiêu dùng cao, có thể trồng dài vụ để cung cấp sản phẩm tươi ở nhiều thời gian trong năm ở nước ta là rất có ý nghĩa. Theo hướng này để tài chọn tạo giống cà chua do Bộ môn di truyền - chọn giống cây trồng, Đại học Nông nghiệp I Hà Nội đã được triển khai trong nhiều năm qua.

Bài viết này trình bày một số kết quả nghiên cứu chọn tạo và đưa ra sản xuất đại trà giống cà chua MV1.

I. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA GIỐNG CÀ CHUA MV1

Từ tập đoàn các giống cà chua có nguồn gốc từ Mondavi (Liên Xô cũ), qua nhiều năm nghiên cứu, thử nghiệm đã tuyển chọn được giống cà chua MV1. Bằng công nghệ nuôi cấy mô, đã xác định giống MV1 có nguồn gen cà chua hoang dại, có tiềm năng thích ứng cao. Sau nhiều thí nghiệm, thử nghiệm như: Xử lý hạt ở nhiệt độ cao, xác định tỷ lệ đậu quả ở vụ xuân hè 1 (80,6%), đánh giá sức sống hạt phần ở vụ xuân hè 2, đã đi đến kết luận là giống MV1 chống chịu tốt ở điều kiện nhiệt độ cao. MV1 là giống rất ngắn ngày, nhanh ra hoa, rộ hoa, đậu quả, sớm cho thu hoạch và thu được nhiều quả ở mỗi đợt, quả nhanh chín. Giống MV1 có quả chín sớm hơn giống Ba Lan 12 - 13 ngày.

Trong điều kiện trồng chính vụ (vụ đông) giống cây thấp (65cm) phát nhánh khỏe, thuộc loại hình sinh trưởng hữu hạn. Ở các vụ trái khác (xuân hè, hè thu...) quan sát thấy cây vươn cao hơn (85 - 90cm), phát nhánh mạnh hơn, ra hoa kéo dài hơn. Khi tiếp tục chăm sóc, thời gian thu quả sẽ kéo dài, đặc biệt là ở các vụ sớm hè thu, thu đông.

MV1 thuộc loại nhiều hoa, sai quả, độ lớn quả ở mức vừa 64,5g (vụ đông), 50 - 55,5g (xuân hè, thu đông). Quả tròn, vai xanh, khi chín có màu đỏ đẹp.

Quả ngọt, hạt không nhiều, khẩu vị ăn tươi ngon mát, dễ ăn, quả chắc thuận lợi trong vận chuyển.

Về khả năng chống chịu sâu bệnh giống MV1 thể hiện chịu bệnh virus tốt, mức nhiễm bệnh nhẹ hơn giống Ba Lan (bảng 1). Một số bệnh nấm khác nhiễm ở mức trung bình, bệnh mốc sương kháng ở mức trung bình - yếu, các bệnh nấm này dễ dàng khắc phục bằng các biện pháp phòng trừ. Tuy trồng ở các thời vụ và đất đai khác nhau song tỷ lệ bệnh chết héo ở MV1 không cao, nhìn chung ít hơn so với giống Ba Lan. Các bệnh chết cây cần khắc phục bằng các biện pháp phòng trừ tổng hợp.

BẢNG 1. Mức độ nhiễm bệnh virus của giống MV1 trên đồng ruộng ở điều kiện trồng trái vụ.

Vụ trồng	Giống	Tổng số (%) nhiễm	Triệu chứng nặng (%)	Triệu chứng nhẹ (%)
Xuân hè	MV1	12,0	2,5	9,5
	Ba Lan	20,5	8,5	12,0
Hè thu	MV1	15,0	4,5	10,5
	Ba Lan	20,5	8,5	12,0
Thu đông	MV1	9,5	2,0	7,5
	Ba Lan	11,5	3,5	11,5

II. NĂNG SUẤT CỦA GIỐNG MV1 Ở CÁC VỤ

a) **Vụ đông:** Ở miền Bắc đối với cây cà chua là thời vụ chính trong năm được triển khai sau khi thu

BẢNG 2. Năng suất của giống cà chua MV1 qua các vụ.

Vụ trồng	Giống	Ngày trồng	Năng suất (tấn/ha)
Vụ đông	MV1	11/10	41,94
Vụ hè thu	MV1	20/7	29,14
	Ba Lan	20/7	14,44
Vụ thu đông	MV1	12/9	37,50
	Ba Lan	12/9	28,06
Đông xuân muộn	MV1	6/1	37,56
	MV1	9/3	40,17
	MV1	29/3	26,73

Vụ hè thu: LSD 0,05 = 1,48 tấn/ha, LSD 0,01 = 2,22 tấn/ha. Vụ thu đông: LSD 0,05 = 1,82 tấn/ha, LSD 0,01 = 2,73 tấn/ha.

hoạch lúa mùa đại trà. Ở vụ này MV1 thuộc nhóm cho năng suất cao (41,94 tấn/ha). Tuy kích thước quả không ở mức lớn (như một số giống quả to khác ở chính vụ), song MV1 có ưu điểm là chất lượng quả ngon, thích hợp ăn tươi sống, ngắn ngày, quả khá ra tập trung và nhanh chín nên có thể kết thúc sớm, có thể tránh được rét và mưa phùn ở giai đoạn sau của vụ đông.

b) **Vụ xuân hè:** Ở vụ xuân hè 1 MV1 cho năng suất cao (40,17 tấn/ha). Do ngắn ngày, chịu nóng tốt nên giống có thể trồng được ở thời vụ rất muộn (xuân hè 2 cho năng suất 26,73 tấn/ha), rất phù hợp với các chân đất giải phóng muộn, đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất. Ở điều kiện nhiệt độ cao của vụ xuân hè MV1 có quả chín đỏ, chất lượng dùng tươi ngon. Cần lưu ý các phương thức vận chuyển, tiêu thụ nhằm bảo đảm chất lượng quả.

c) **Vụ hè thu và thu đông:** (+) Vụ hè thu: trồng phổ biến từ cuối tháng 6 và rải suốt tháng 7 dương lịch. Năng suất quả của vụ này phụ thuộc khá nhiều vào chế độ mưa ở các tháng: cuối tháng 7, tháng 8 và đầu tháng 9. MV1 không những thể hiện chịu nóng khô, mà còn chịu nóng ẩm tốt. Giống nhanh ra hoa, rộ hoa và cho thu hoạch nhanh đạt năng suất 29,14 tấn/ha, đem lại hiệu quả kinh tế cao của cà chua trái vụ. (+) Vụ thu đông: Vụ này thường trồng vào nửa đầu tháng 9. Ở miền Bắc những vùng cây giống lúa cực nhanh có thể tăng diện tích giống MV1 vẫn cho năng suất cao (37,5 tấn/ha), vì là giống rất ngắn ngày, nhanh thu nên đã đem lại giá trị cao khi thị trường đang khan hiếm loại sản phẩm này.

Ở các vụ sớm có thể thu quả vòng 2 (các đợt quả ngon) tuy có kích thước quả nhỏ nhưng lại rất thuận lợi cho chế biến mứt. Vì MV1 có chất lượng cao, quả không nhỏ, không quá thô cứng, ít hạt, giòn ngọt.

III. KẾT LUẬN

Cà chua MV1 có thể chịu được nhiệt độ cao, giống phát hoa và đậu quả tốt ở điều kiện không khí ẩm, ít ánh sáng, do vậy có thể trồng dài vụ trong năm kể cả vụ trái. Đây là giống ngắn ngày, quả nhanh chín, hợp cho bố trí các mô hình luân canh gối vụ đạt hiệu quả cao. MV1 rất sai quả đạt NS từ 26,73 - 41,94 tấn/ha (tùy từng thời vụ) chất lượng tiêu dùng cao, ngoài dùng nấu chín, rất hợp khẩu vị

ăn tươi sống, góp phần đa dạng hoá nhu cầu sử dụng. Ở các thời vụ nóng quả chín đỏ. Giống chịu tốt đối với bệnh virus...

Tại Hội nghị khoa học Bộ Nông nghiệp và PTNT họp đầu tháng 1-1998, giống cà chua MV1 đã được công nhận giống Quốc gia.

TOMATO VARIETY MV1 (Summary)

Studies for many years were carried out on tomato variety MV1, which expressed heat tolerance. MV1 showed the ability to set fruit under high temperatures, high humidity and poor light, with short growth duration, high number fruit per plant, high yield and high quality of fresh consumption. Variety MV1 had deep red fruits at high temperature and tolerance to virus disease.

Tomato variety MV1 combined important characters, in order to adapt to unfavorite seasons as: Summer-August, August-Winter, Spring-Summer.

NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA CHẾ ĐỘ VÀ KỸ THUẬT LÀM ĐẤT ĐỐI VỚI VIỆC HẠN CHẾ QUẦN THỂ CỎ ĐẠI TRONG RUỘNG LÚA CẤY TẠI ĐAN PHƯỢNG - HÀ TÂY VÀ TỪ LIÊM - HÀ NỘI

NGUYỄN HỒNG SON, NGUYỄN THỊ TÂN và CTV

b) *Trình diễn diện rộng* tại Phú Diễn - Từ Liêm - Hà Nội trong vụ xuân 1997 với quy mô từ 300 - 350m² đối với mỗi phương thức làm đất trên và áp dụng trên ruộng cấy giống lúa CR203. Phân bón và các chế độ chăm sóc khác: Tiến hành bình thường như nông dân vẫn áp dụng.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả điều tra về tác động của phương thức làm đất tới sự phát sinh, phát triển của các loài cỏ trong ruộng lúa cho thấy, đối với cả vụ xuân và vụ mùa nếu được làm đất 2 lần có thể hạn chế đáng kể số lượng loài cỏ dại cũng như mức độ xuất hiện của các loài so với chỉ được làm 1 lần trước khi cấy. Tuy nhiên, mức độ biến động về số lượng và mức độ của các loài này cũng có sự khác nhau giữa hai nhóm cỏ một năm và hàng năm cũng như trong vụ xuân với vụ mùa. Thông thường thì số lượng loài và đặc biệt là mật độ cỏ ở vụ xuân luôn cao hơn vụ mùa. Ở thời điểm 25 ngày sau cấy mật độ cỏ cũng lớn hơn ở thời điểm 65 ngày sau cấy.

Trong hai nhóm cỏ nghiên cứu thì tác động của các phương thức làm đất đến nhóm cỏ hàng năm là lớn và rõ rệt hơn so với nhóm cỏ một năm trong cả vụ xuân và vụ mùa.

Trong vụ xuân, độ biến động về mức độ xuất hiện của các loài cỏ giữa các phương thức làm đất khác nhau là lớn hơn trong vụ mùa.

Trong năm phương thức làm đất trên thì phương thức làm hai lần bằng máy là tốt nhất. Phương thức làm lần một bằng máy và lần hai bằng gia súc và cả hai lần bằng gia súc có hiệu quả tương đương nhau. Các phương thức làm đất một lần bằng máy hay bằng gia súc đều cho kết quả thấp nhất. Để hiểu rõ thêm những nhận định trên chúng tôi đã làm thí nghiệm trình diễn diện rộng trong vụ xuân 1997 tại Phú Diễn - Từ Liêm Hà Nội.

Qua kết quả ghi trong bảng cho thấy sự biến động về số lượng loài cỏ một năm cũng như mức độ của chúng giữa các phương thức làm đất khác nhau là không lớn. Tuy nhiên, ảnh hưởng của các phương thức làm đất trên tới cỏ hàng năm là rất đáng kể cả về số lượng loài, mật độ và trọng lượng sinh khối của các loài. Sự khác nhau đó chủ yếu là giữa phương thức làm đất hai lần với làm đất một lần, còn giữa các công cụ làm đất sự sai khác đó rất ít. Sự tác động của các phương thức làm đất khác nhau thể hiện rất rõ ở kết quả về năng suất lúa. Trong đó giữa công thức 1, 2, 3 (làm đất hai lần) năng suất lúa thu được chênh lệch nhau không nhiều (46,3, 47,7, và 46,9 tạ/ha). Tuy nhiên, giữa hai phương

Cùng với quá trình thâm canh tăng năng suất cây trồng, cỏ dại đang ngày càng trở thành đối tượng dịch hại quan trọng trong sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất lúa nói riêng. Phòng trừ cỏ dại là một khâu không thể thiếu trong sản xuất nông nghiệp. Xu hướng nghiên cứu phòng trừ tổng hợp cỏ dại đang được nhiều nước trồng lúa trên thế giới quan tâm đặc biệt là các nước thuộc khu vực châu Á, như: Thái Lan, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Indonesia, Đài Loan, ... nhằm tìm ra những giải pháp vừa làm giảm tác hại của cỏ dại nhưng lại hạn chế công lao động và giảm lượng thuốc hoá học trừ cỏ trên đồng ruộng. Để hoạt động phòng trừ cỏ dại đạt hiệu quả cao thì cần phải áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp như: Sử dụng nguồn hạt giống và phân bón không nhiễm hạt cỏ, chọn lựa giống cây trồng phù hợp, làm đất kỹ và hợp lý trước khi gieo trồng, luân canh cây trồng thích hợp, làm cỏ tay kết hợp với sử dụng thuốc hoá học (De Datta - 1981) trong đó làm đất được coi là một kỹ thuật canh tác quan trọng (De Datta and Aurora M. Baltazar 1996; R.Labrada 1997; Prasan Vongsaroj 1993). Trong bài báo này chúng tôi xin đi sâu nghiên cứu "ảnh hưởng của chế độ và kỹ thuật làm đất đối với việc hạn chế quần thể cỏ dại trong ruộng lúa cấy".

I. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

a) *Điều tra sự phát sinh và phát triển của các loài cỏ dại dưới tác động của các phương thức làm đất khác nhau.* Nghiên cứu được tiến hành trong vụ xuân và vụ mùa năm 1995, 1996 tại Đan Phượng - Hà Tây và Từ Liêm - Hà Nội.

Các phương thức làm đất phổ biến trong sản xuất được tiến hành quan sát bao gồm: (+) Làm đất hai lần bằng máy xới nhỏ: Lần 1: Sau khi thu hoạch vụ mùa năm trước. Lần 2: Trước khi cấy. (+) Làm đất 2 lần: Lần 1: Làm bằng máy xới nhỏ sau khi thu hoạch. Lần 2: Làm bằng gia súc trước khi cấy. (+) Làm hai lần vào các thời điểm trên bằng trâu bò. (+) Chỉ làm 1 lần bằng máy trước khi cấy. (+) Chỉ làm 1 lần bằng trâu bò trước khi cấy.

Quy mô điều tra: Tại mỗi địa phương, tiến hành điều tra trên 5 ruộng đại diện cho mỗi phương thức làm đất. Thời gian điều tra: Sau cấy 25 và 65 ngày (DAT). Chỉ tiêu điều tra: (+) Số loài cỏ dại xuất hiện ở mỗi phương thức. (+) Mức độ xuất hiện của các loài.